

QUAN NIỆM CỦA CÁC NHÀ TÂM LÝ HỌC VỀ NHỮNG RẮC RỐI ĐẠO ĐỨC VƯỢT QUA BIÊN GIỚI QUỐC TẾ

Jean L. Pettifor và Tyson R. Sawchuk*

Người dịch: Hoàng Trung

Bài viết này cung cấp một tiếp cận lịch sử đối với sự phát triển quy tắc đạo đức của các nhà nghiên cứu tâm lý và sự mong muốn có một hệ thống quy tắc chung toàn cầu trong lĩnh vực này. Bài viết đã điểm lại các nghiên cứu gần đây về những tiến thoái lưỡng nan đạo đức đã được các nhà nghiên cứu tâm lý ở 9 nước, chủ yếu là phương Tây, đề cập: Mỹ, Anh, Na-Uy, Phần-Lan, Canada, Thụy Điển, New Zealand, Nam Phi và Mexico. Mô hình Pope và Vetter (1992) được sử dụng để phỏng vấn các nhà tâm lý học về vụ việc gây bức xúc về mặt đạo đức trong năm trước. Dữ liệu gộp lại từ tổng số 2.698 trả lời cho thấy là các vấn đề giữ bí mật và tiếp đó là các mối quan hệ giữa hai đối tượng khác nhau là những vấn đề thường xảy ra nhất. Đã có sự nhất trí đáng kể về bản chất của những tiến thoái lưỡng nan đạo đức ở các mẫu đại diện trong nghiên cứu. Tuy nhiên, vẫn còn có hạn chế về tư liệu gốc trong tổng quan các nghiên cứu đã có dựa trên các báo cáo đã công bố. Hơn nữa, quy mô của mẫu nghiên cứu còn nhỏ và mức độ chuẩn hóa trong phương pháp luận và phân tích các câu trả lời cũng chưa thật rõ ràng. Mặc dù vậy những nghiên cứu này vẫn có giá trị thực tiễn ở chỗ: (a) Đã đề cập đến các vấn đề ở trong mỗi nước (thí dụ như xem xét lại các quy tắc về đạo đức, xác định những nhu cầu cho việc giáo dục về đạo đức, và xác định nhu cầu cho việc có những hướng dẫn cụ thể hơn), (b) cho thấy sự giống nhau ở các nước có báo cáo, và (c) ghi nhận là các khác biệt mang tính cụ thể của từng nước có thể liên quan tới điều kiện làm việc và bản chất của khách hàng hơn là khác biệt về giá trị văn hóa và niềm tin. Sự thích hợp cho các sáng kiến để phát triển thành tuyên bố toàn cầu về các nguyên tắc đạo đức cho các nhà tâm lý học bị hạn chế bởi việc vắng bóng đại diện của các nền văn hóa phi phương Tây và dân bản xứ.

Các quy tắc đạo đức riêng dành cho các nhà tâm lý học mới được đề xuất từ nửa thế kỷ trước đây thông qua những quy tắc tạm thời do Hội Tâm lý học Hoa Kỳ công bố (1953; Holtzman, 1979; Sinclair, 2003). So với chúng thì các nguyên tắc đạo đức dành cho các

thầy thuốc đã có một lịch sử dài hàng thế kỷ ở cả các nước phương Đông và cả các nước phương Tây. Sinclair (2003, 2004) đã phát hiện nhiều điểm giống nhau trong các nguyên tắc đạo đức dành cho các thầy thuốc trong các giá trị như sự tôn trọng, sự cẩn mật (bí mật khách hàng), sự thỏa thuận, trung thực, sự có ích và không gây tác hại. Bắt đầu từ

* Đại học Calgary, Alberta, Canada.

khoảng 25 năm trước, thỉnh thoảng có những gợi ý về việc phát triển các nguyên tắc đạo đức quốc tế cho các nhà tâm lý học (Holtzman, 1979; Nuttin, 1979; Tomaszewski, 1979). Năm 1976, Liên đoàn Khoa học Tâm lý Quốc tế đã thông qua một nghị quyết kêu gọi các hội thành viên ban hành một quy tắc đạo đức và có biện pháp xử lý các thành viên có tội vi phạm nhân quyền. Nghị quyết lên án tất cả các hoạt động không nhất quán với các tiêu chuẩn đạo đức cao và đòi hỏi ở các nhà tâm lý học khi thực hiện các hoạt động khoa học và nghề nghiệp (Tổ chức Ân xá Quốc tế, 1976). Tổ chức Ân xá Quốc tế liệt kê hơn mười tuyên bố và các quy định đòi hỏi việc loại bỏ các vi phạm về nhân quyền.

Nuttin (1979) duy trì ý kiến là, các tiêu chuẩn chung cho các nhà tâm lý học phải liên quan chặt chẽ với hoạt động nghiệp vụ, thí dụ như những quyền căn bản của con người trong bối cảnh của cộng đồng, chứ không phải là liên quan đến những thảo luận mang tính lý thuyết. Hơn nữa, vì là các tiêu chuẩn chung nên sẽ không bị giới hạn và ít về số lượng để chúng có thể được chi tiết hóa tùy từng khu vực và vùng theo những cách mà chúng có thể phù hợp với từng nền văn hóa và từng nước. Ông ta nhấn mạnh khả năng là lợi ích của các cá nhân có thể bị tổn thương để phục vụ cho lợi ích của toàn bộ cộng đồng, đặc biệt là vì nhiều nền văn hóa đã nhấn mạnh nhiều hơn tới điều tốt lành chung. Đồng thời, Nuttin (và những người khác) muốn thấy những tiêu chuẩn đạo đức chung cho các nhà tâm lý học này phải được làm cho có hiệu lực (có thể là một sự phản ứng đối với các vi phạm nhân quyền vào thời gian đó).

Liên đoàn Khoa học Tâm lý Quốc tế gần đây đã chủ động có sáng kiến phát triển một Tuyên bố chung về Các nguyên tắc Đạo đức cho các Nhà Tâm lý học (Gauthier, 2003, 2004; Pettifor, 2004). Các hội nghề nghiệp hiện nay thường phân biệt các quy tắc đạo đức chỉ đạo ứng xử và các chuẩn mực ứng xử cụ thể được vạch ra. Có thể dễ tìm ra sự nhất trí giữa các nền văn hóa về các nguyên tắc đạo đức chung hơn là các ứng xử cụ thể. Sự nhấn mạnh về một khung đạo đức thì có tính tích cực và được trông đợi. Các nhà tâm lý học mong muốn phục vụ ích lợi của những người khác hơn là chỉ ngăn chặn sự tổn hại.

MỤC ĐÍCH CỦA CÁC QUY TẮC ĐẠO ĐỨC

Để có thêm bối cảnh đánh giá các quan niệm của các nhà tâm lý học về các vụ việc gây rắc rối, điều quan trọng là cần xem xét một cách có hệ thống mục đích của các quy tắc đạo đức. Hai mục đích chính cho các quy tắc đạo đức mang tính nghề nghiệp được mô tả trong các công trình đã được xuất bản là: (a) thúc đẩy ứng xử tối ưu bằng cách quy định các nguyên tắc được mong muốn là khuyến khích suy nghĩ và hoạch định các quyết định trong một khung đạo đức, và (b) điều hòa ứng xử nghề nghiệp thông qua các hành động giám sát và kỷ luật đối với những người vi phạm các tiêu chuẩn đạo đức đã được đề ra và được làm cho có hiệu lực (Fisher, 2003; Jordan & Meara, 1990; Lindsay, 1996; Pack-Brown & Williams, 2003; Pettifor, 1996; Sinclair, Poizner, Gilmour-Barrett & Randall, 1987). Sinclair và những người khác tóm tắt mục đích của các quy tắc đạo đức được mô tả trong các ấn phẩm liên ngành và quốc tế là, (a) thành lập một nhóm hành nghề chuyên nghiệp; (b) hoạt động như là một sự ủng hộ và hướng dẫn cho các

nhà hành nghề chuyên nghiệp riêng lẻ; (c) giúp đảm đương các trách nhiệm của một ngành nghề; và (d) đưa ra một tuyên bố về nguyên tắc đạo đức giúp ích cho các nhà hành nghề chuyên nghiệp riêng rẽ giải quyết các tiến thoái lưỡng nan về đạo đức. Các nguyên tắc đạo đức trong các quy tắc đạo đức của các ngành nghề thể hiện rõ ràng hoặc ẩn ý các giá trị của các nền văn hóa trong đó chúng được tạo ra. Chúng cũng thể hiện các điều kiện làm việc của các nhà hành nghề chuyên nghiệp.

Câu hỏi được nêu ra là liệu có hay không các nguyên tắc đạo đức phổ cập chung cho các nhà tâm lý học. Gauthier (2003, 2004) chỉ ra điều mà ông ta tin là có các nguyên tắc đạo đức chung trong ba quy tắc sau đây: *Các Nguyên tắc Đạo đức cho Các nhà Tâm lý học và Quy tắc Hạnh kiểm* (Hiệp hội Tâm lý học Mỹ [APA], 2002), *Quy tắc Đạo đức Canada cho các nhà Tâm lý học* (Hiệp hội Tâm lý Canada [CPA], 2000), và *Siêu-Quy tắc về Đạo đức* (Liên đoàn các hiệp hội Tâm lý học châu Âu [EFPA], 1995). Các nguyên tắc chung là: (a) tôn trọng phẩm giá và các quyền của mọi người, (b) quan tâm đến người khác và chú ý tới lợi ích của người khác, (c) có đủ khả năng, (d) chính trực, (e) chuyên nghiệp, khoa học và có trách nhiệm xã hội.

Pedersen (1995) đề nghị là chúng ta thông qua các giá trị phổ cập dựa trên sự nhân đạo chung của chúng ta đồng thời tôn trọng sự đa dạng về tín ngưỡng và các tiêu chuẩn dựa trên sự khác nhau về văn hóa, tôn giáo và các hệ thống xã hội. Nhiều người coi tâm lý học là một khoa học và nghề nghiệp Tây phương (Adair, Angela, & Luna, 2002). Các xã hội phương Tây được cho là coi trọng khoa học và được họ coi là nguồn gốc của sự hiểu biết, và các quyền của từng con người trong một xã hội thể tục

và dân chủ thuộc tầm quan trọng | đầu, tức là một thế giới quan (a worldview) trái ngược với nền văn hóa, giáo, luật pháp và nền chính trị ở n nước. Nhưng sẽ là sai lầm nếu phân các nước thành hai thái cực dựa trên giá trị này bởi vì có các sự giống nhau các sự khác nhau trong từng nước c như giữa các nước, và tình trạng h phúc của các cá nhân và các xã hộ quan hệ qua lại tác động lẫn nhau.

NHÂN THỨC CỦA CÁC NHÀ TÂM LÝ HỌC VỀ CÁC VỤ VIỆC RẮC RỐI

Bài viết này điểm lại kết quả nghiên cứu tại 9 nước về các nhận thức đối với các vụ việc gây xáo động về n định đạo đức, được nêu lên trong công trình chuyên ngành đã được trình bày tại các hội nghị. Trong quá trình phát triển quy tắc đạo đức đầu tiên của mình, APA đã thu thập các thí dụ tiến thoái lưỡng nan đạo đức mà các thành viên của APA đã gặp phải. Bằng cách này, quy tắc có thể được phát triển để tiếp cận các quản ngại và các vấn đề thuộc về đạo đức mà các nhà tâm lý học có thể gặp phải hàng ngày (American Psychological Association, 1953; Pope Vetter, 1992). Khi *Các Nguyên tắc Đạo đức cho Các nhà Tâm lý học và Quy tắc Hạnh kiểm* đang trong quá trình được xem xét lại thì Pope và Vetter đã thực hiện một công trình nghiên cứu tương tự với mục đích tương tự, tức là "... để thu thập, từ trong một mẫu có tính đại diện của các thành viên APA, các dữ liệu cùng thời đã cung cấp cơ sở độ nhất vô nhị cho quy tắc đạo đức của APA và được cho là cơ sở của các công việc xem xét lại" (trang 398). Hội Tâm lý học Anh cũng đã thực hiện một bản điều tra tương tự dành cho các thành viên của mình điều được coi là một phần của quá trình kiểm điểm lại Quy tắc

Đạo đức của mình. Ý định làm việc này xuất phát từ việc xác định các khoảng trống trong Quy tắc do đó các thành viên đã phải đương đầu với các tiến thoái lưỡng nan mà Quy tắc đã không cung cấp các hướng dẫn đầy đủ (Lyndsay & Colley, 1995).

Tại Đại hội Tâm lý học châu Âu ở Aten năm 1995, một nhóm nhỏ các nhà tâm lý học từ các nước khác nhau đã đồng ý tiến hành các công trình nghiên cứu tương tự với các thành viên của mình. Các nhà tâm lý học ở các nước sau đây đã xuất bản hoặc trình bày tại các hội nghị về các quan niệm của các nhà tâm lý học về các vụ việc gây suy nghĩ về đạo đức: Mỹ (Pope & Vetter, 1992), Anh (Lyndsay & Colley, 1995), Na-Uy (Odland & Nielsen, 1996), Phần Lan (Colnerud, Hansson, Salling & Tkanen, 1996), Ca-na-đa (Sinclair & Pettifor, 1996), Thụy Điển (Colnerud, 1997), New Zealand (Davis, Seymour & Read, 1997), Nam Phi (Slack & Wassenaar, 1999; Wassenaar, 2002), và Mexico (Hernandez-Guzman & Ritchie, 2001).

Mặc dù các nhà tâm lý học trong các nước này có lý do thích hợp đối với từng nước của mình để thực hiện các công trình nghiên cứu, vẫn có rất nhiều sự tương đồng trong các mục đích của họ. Một số trong các nhà nghiên cứu đã nêu rõ mục đích của mình, trong khi những người khác làm rõ chúng ở phần thảo luận về các kết quả tìm thấy được. Điều đáng chú ý ở từng nước là sự xem xét lại các quy tắc đạo đức của chính các nước đó để cho chúng thích hợp và ủng hộ cho các thông lệ về đạo đức của các hội viên. Một mục đích song song là tìm ra các khu vực thực tiễn mà các nhà tâm lý học cần các chỉ dẫn cụ thể hơn. Một mục đích nữa là tìm ra các nhu cầu về giảng dạy, giáo dục và giáo dục tiếp tục về

đạo đức trong thực tiễn của ngành tâm lý học. Tất cả mọi người đều quan tâm đến việc so sánh giữa các nước để tìm ra các sự tương đồng và để làm tăng thêm hiểu biết giữa các nước. Mặc dù các mục tiêu này đã được thực hiện trong từng nước, hy vọng sử dụng các dữ liệu gốc về các vụ việc gây bối rối về đạo đức để đối chiếu các kết quả tìm thấy từ tất cả các nước đã không trở thành hiện thực, cũng như một phương pháp được hoàn toàn chuẩn hóa cho việc phân tích các dữ liệu đã được thiết lập, và những dịch vụ sẵn sàng cho việc diễn dịch.

Pope và Vetter: Cuộc khảo cứu về các tiến thoái lưỡng nan của các thành viên của APA

Pope và Vetter (1992) đã phân tích các tiến thoái lưỡng nan về đạo đức được báo cáo trong một mẫu nghiên cứu đối với 679 thành viên (tỷ lệ trả lời là 51%) của APA. Lời giải thích gửi tới các thành viên, được lựa chọn một cách ngẫu nhiên từ danh bạ năm 1989 của APA, yêu cầu họ "hãy miêu tả, ngắn gọn hoặc chi tiết, một vụ việc mà bạn hay một đồng nghiệp đã gặp phải trong một hoặc hai năm qua mà về mặt đạo đức có tính chất thách thức hoặc gây bức xúc" (trang 398). Năm loại tiến thoái lưỡng nan hàng đầu được báo cáo lại là: sự cản mặt (18%), tiếp theo sát đó là các mối quan hệ đôi bên hoặc đối kháng (17%), các nguồn trả tiền (14%), khung cảnh học thuật (8%) và tâm lý pháp y (5%).

Các nghiên cứu khác

Trong mỗi một nghiên cứu trong số 9 nghiên cứu, mẫu dữ liệu được chọn tình cờ hoặc tính gộp lại của các thành viên của các hội tâm lý học có câu hỏi liệu họ đã từng trải qua một vụ việc gây bức xúc về tâm lý trong năm qua hay không.

Trong 3 nghiên cứu đã đi trệch khỏi các thể loại của Pope và Vetter (Nam Phi, New Zealand và Mexico) chúng tôi đã cố gắng đặt lại mã số hoặc các chuẩn mực để có thể làm các so sánh. Mặc dù về mặt lý tưởng, các thể loại so sánh không nên bao gồm lẫn nhau, nhưng tiêu chuẩn này đã không được đáp ứng trong một số nghiên cứu. Dù các thông tin hữu ích đã được cung cấp cho từng nước tham gia và cho các so sánh giữa các nước, người ta vẫn phải trông chờ một số sự không chính xác trong việc đặt mã các câu trả lời.

Tỷ lệ trả lời là từ 15% (México) tới 61% (Thụy Điển) để rồi có một tỷ lệ trả lời trung bình là 34%.

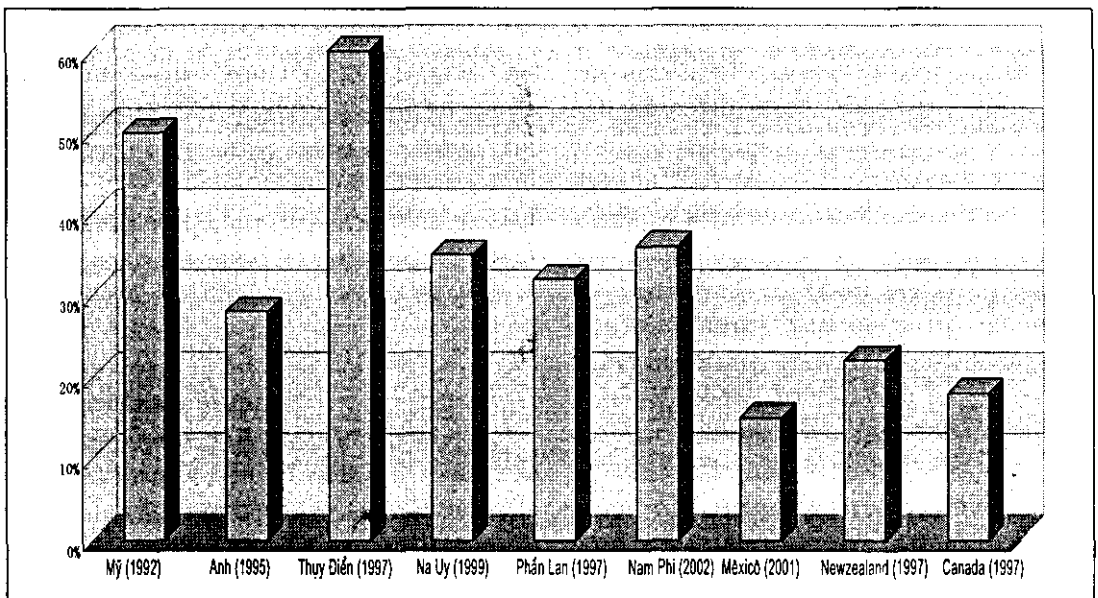
Số người trả lời trong mỗi nghiên cứu là từ 102 đến 679 để rồi có một kích thước của các mẫu dữ liệu là 2.698 trong tất cả chín nước.

Những tiến thoái lưỡng nan thường được báo cáo nhất là sự cẩn mật, tiếp đến là các mối quan hệ hai chiều, giống như hai thể loại hàng đầu của Pope và

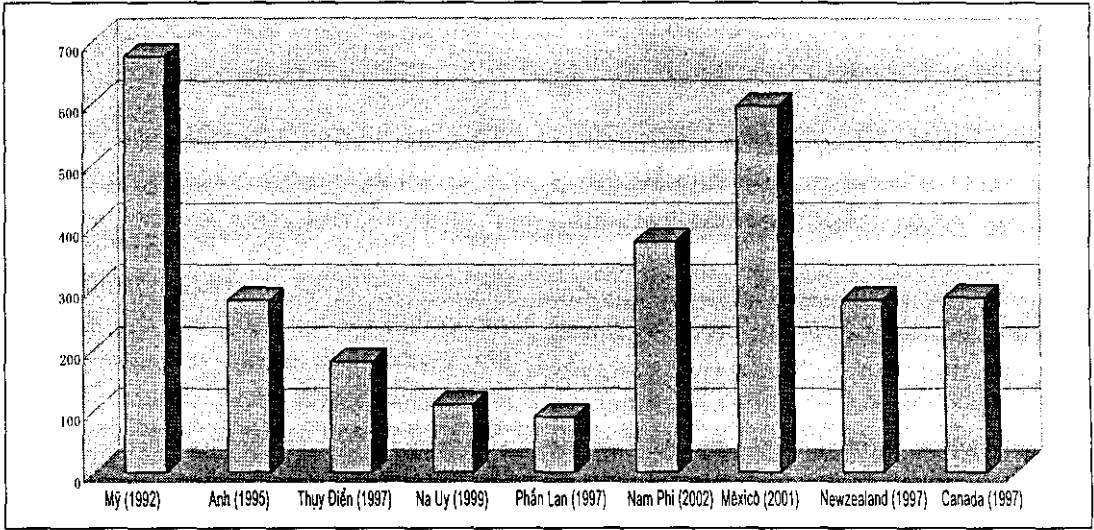
Vetter. Các nguồn trả tiền thể loại thông thường được báo cáo đứng hàng thứ ba trong mẫu dữ liệu gốc của Pope và Vetter (14%). Năng lực, ở tỷ lệ 8%, là thể loại hay gặp thứ ba trong chín nước. Sự phân bố toàn bộ các sự tiến thoái lưỡng nan cho 9 nước không quá khác so với mẫu dữ liệu của Pope và Vetter. Tám thể loại thường thấy nhất (đại diện cho 76% toàn bộ các tiến thoái lưỡng nan) đã có mặt trong 11 thể loại hàng đầu được báo cáo trong bản nghiên cứu khỏi thủy của Pope và Vetter.

Sự cẩn mật được thấy là sự cố thường xuyên nhất gây bức xúc về đạo lý trong tất cả 9 nước (17 đến 36% các tiến thoái lưỡng nan) trừ Mexico (5% các tiến thoái lưỡng nan). Các mối quan hệ hai chiều được trình bày là các tiến thoái lưỡng nan hay xảy ra thuộc vào hàng thứ hai của sáu trong số chín nước (Mỹ, Canada, Thụy Điển, Phần Lan, New Zealand và Nam Phi: 12% -20% của các tiến thoái lưỡng nan) nhưng lại chỉ đứng hàng thứ 10 (3%) ở mẫu khảo sát ở nước Anh.

Hình 1: Tỷ lệ trả lời theo từng nước



Hình 2: Kích cỡ các mẫu khảo sát tính theo từng nước (tổng n=2698)



Năng lực đứng hàng thứ ba trong tổng thể các mẫu khảo sát. Phẩm cách đồng nghiệp đứng hàng cao hơn ở Canada (11%) và Na-uy (10%) so với các nước khác. Mặc dù có sự nhất trí về bản chất của các vụ việc gây rắc rối đạo đức có một số khác biệt mang tính đặc trưng của từng nước nổi lên rõ rệt trong các dữ liệu của Thụy Điển, Phần Lan, Mexico và Nam Phi.

Sự phân bố các tiến thoái lưỡng nan của Thụy Điển là tương tự như các loại

trong nghiên cứu của Pope và Vetter ngoại trừ việc hành nghề đối với các khách hàng có bệnh thuộc về sự phát triển (6%). Công việc làm luật gần đây ở Thụy Điển đã nhấn mạnh các quyền của những người chậm phát triển về trí tuệ về tự quyết, tự quản và chính trực là những điều đã thách thức các nhà tâm lý học phải cân bằng nhu cầu bảo vệ khách hàng không bị làm hại đồng thời tôn trọng các quyền được pháp luật yêu cầu.

Bảng 1: Các tiến thoái lưỡng nan hàng đầu trong nghiên cứu khởi thủy (76% của tổng số)

Hạng mục Pope & Vetter (thứ hạng)	Phần trăm trong tổng số các tiến thoái lưỡng nan
Cẩn mật	25%
Các mối quan hệ hai chiều	13%
Khả năng/năng lực	8%
Tư cách của đồng nghiệp	7%
Đánh giá	6%
Sự can thiệp có hại	6%
Các nguồn trả tiền	6%
Các vấn đề tình dục	5%

Nghiên cứu của Phần Lan đã thêm vào ba loại hình để phản ánh các tiến thoái lưỡng nan đặc thù của nước mình. Thứ nhất là “hoàn cảnh gia đình khó khăn” (10%), liên quan tới các vấn đề của một nhà tâm lý học phục vụ một nhân chứng trong trường hợp ly dị và đòi nuôi con. Tiếp theo là “các mâu thuẫn với khách hàng” (11%) đề cập đến các quan hệ trong các trường hợp đòi nuôi con và đối xử với trẻ em. Một loại hình nữa được gọi là “thiếu thời gian/vật chất” (3%), đã được thêm vào biểu thị các tiến thoái lưỡng nan gây ra bởi sự đình trệ kinh tế tiến tới cắt giảm tài trợ trong khu vực công. Antikainen (1997) đã báo cáo có tới 80% các nhà tâm lý học ở Phần Lan làm việc trong khu vực công, nơi mà họ có vai trò kép vừa là nhà đương cục vừa là người giúp đỡ. Trong mẫu khảo sát của Phần Lan, 7 trong số các loại hình của Pope và Vetter là vắng bóng. Cụ thể là (a) khung cảnh học thuật, (b) xuất bản, (c) sự giúp đỡ những người có khó khăn tài chính, (d) sự trông nom, giám sát, (e) quảng cáo, (f) các vấn đề y tế (g) sự chấm dứt. Địa vị hội viên trong Hội Tâm lý học Phần Lan chỉ giới hạn ở những nhà tâm lý học không làm việc trong các trường đại học.

Các dữ liệu Mexico cho thấy một mẫu hình lệch hướng về các tiến thoái lưỡng nan trong đó những loại hình thường gặp nhất là năng lực (34%), các vấn đề tình dục (16%), đánh giá (12% là con số có được từ những vấn đề đạo đức liên quan đến việc sử dụng các đánh giá tâm lý và sự diễn giải các kết quả của chúng). Đào tạo lý thuyết và nghiên cứu học thuật kết hợp lại thì có được con số 24%. Trái với các kết quả chung, quan hệ hai chiều (8%) và sự cần mẫn (5%) ít được báo cáo hơn.

Không có lý do nào được cung cấp trong các nghiên cứu được công bố giải thích tỷ lệ phần trăm cao (34%) của các tiến thoái lưỡng nan được báo cáo ở Mexico được liệt vào thể loại các vấn đề năng lực. Một nhân tố đóng góp có thể là sự thiếu các định nghĩa cũng loại trừ lẫn nhau trong các thể loại của Pope và Vetter, trong đó các vấn đề bóng gió về tư cách của đồng nghiệp (0%) hay các can thiệp có hại (0%) có thể được đóng góp trong mục năng lực. Vào thời điểm đó cũng có thể đã có các lo ngại việc thiếp lập các chuẩn mực về năng lực đã sẽ tạo điều kiện có sự công nhận lẫn nhau trong các giấy phép hành nghề theo Hiệp định thương mại tự do Bắc Mỹ. Sanchez-Sosa (2004, p. 105) đã báo cáo lại “... các tiến bộ trong các vấn đề như là sự chỉ đạo có thể so sánh được về các lĩnh vực giáo dục và đạo đức, cũng như các cải thiện trong việc công nhận và kiểm soát về các quy định ở phía Mexico”. Ông ta đã lấy làm tiếc về sự thiếu hiểu biết trong nội bộ NAFTA là các bằng cấp có thể dùng để xin giấy hành nghề (gồm 5, 6 năm nghiên cứu tâm lý) đã cung cấp nhiều sự đào tạo hơn là bằng cử nhân của bắc Mỹ (BA). Ông ta đã mô tả cách thức được đem đến bởi sự giao thời về chính trị và các điều kiện kinh tế, xã hội không chắc chắn và các nguyện vọng cao xa của các nhà tâm lý học Mexico. Nghiên cứu của Mexico về các vụ việc bức xúc về tâm lý đã đóng góp nhiều cho sự sửa đổi quan trọng trong Quy định về đạo đức của Hội Tâm lý học Mexico năm 2002 (Hernandez-Guzman & Ritchie, 2001).

Các vấn đề thuộc về khả năng đã được nêu cao hơn ở Nam Phi (11%) và New Zealand (7%) hơn là ở các nước còn lại, nhưng ít đột ngột hơn giống như trường hợp Mexico. Và cũng không có lời

giải thích nào được đưa ra. Điều này có thể không quan trọng trong chừng mực là tất cả các thể loại ở các nước này không cùng loại trừ lẫn nhau và một số đề mục đã được mã hóa lại để làm cho tương ứng với các thể loại của Pope và Vetter. Các nguồn khác có thể gợi ý sự giải thích khác. Stead (2004) đã cho rằng ở Nam Phi hậu A-Pac-Thai, các nhà tâm lý học đã thấy cần phải mở rộng phạm vi hành nghề của mình để đáp ứng nhu cầu của những người thuộc tất cả các chủng tộc. Khả năng phải mang tính không phân biệt chủng tộc và phải bao trùm cả sự ủng hộ hay biện hộ, công lý xã hội, lẽ thường của cộng đồng, làm cho ít có sự xa lạ và các vấn đề xã hội cụ thể. Seymour (2003) đã cho rằng ở New Zealand nghiên cứu đã đóng góp cho sự phát triển của một cuốn sách mới về Quy định Đạo đức cho các nhà tâm lý học làm việc ở *Aotearoa/New Zealand* (New Zealand Psychological Society, 2002), một quy tắc mà yêu cầu các nhà tâm lý học tìm kiếm sự đào tạo, kinh nghiệm và lời khuyên để đảm bảo hành nghề có đủ khả năng và an toàn văn hóa, cụ thể hơn là tôn trọng phẩm giá và nhu cầu của người Mao-ri.

Về các vấn đề đạo đức và năng lực, những nghiên cứu này có thể đem lại sự dự đoán nhiều hơn là thông tin. Thông tin đã không được tập hợp về chất lượng, mức độ và bản chất đào tạo chuyên môn của những người trả lời, các cơ hội để phát triển chuyên môn, mức độ ủng hộ ở các hoàn cảnh làm việc, các điều kiện kinh tế, xã hội và chính trị, nguyện vọng của các nhà tâm lý học hoặc là mức độ tin tưởng vào năng lực của bản thân hay người khác. Tất cả những vấn đề này đều rất đáng quan tâm nhưng lại ở ngoài phạm vi của những nghiên cứu này.

Các vấn đề rắc rối đã được báo cáo ở nhiều nước đều sử dụng các thể loại của Pope và Vetter để phân tích bản chất của các vụ việc gây bức xúc về đạo đức. Các thể loại này theo thứ tự thường xuyên của các câu trả lời (Pope & Vetter, 1992), là: (a) sự mất cân đối, (b) các mối quan hệ không rõ ràng, hai chiều hoặc mang tính xung đột, (d) khung cảnh học thuật, các tiến thoái lưỡng nan của việc giảng dạy và các quan ngại liên quan đến đào tạo, (e) tâm lý pháp lý, (f) nghiên cứu, (g) tư cách của đồng nghiệp, (h) các vấn đề tình dục, (i) đánh giá, (j) những sự can thiệp có thể đáng ngờ hoặc có hại, (k) năng lực, (l) đạo đức và các quy tắc, (m) tâm lý trường học, (n) xuất bản, (o) giúp đỡ những người có khó khăn về tài chính, (p) sự trông nom, giám sát, (q) quảng cáo và trình bày sai, (r) tâm lý sản xuất - tổ chức, (s) các vấn đề y tế, (t) sự kết thúc, (u) sắc tộc, (v) hồ sơ điều trị, (w) hỗn hợp nhiều thứ. Một số thể loại nêu danh khung cảnh làm việc hoặc loại việc làm như học thuật, pháp y, nghiên cứu, trường phổ thông, xuất bản, hướng dẫn và giám sát, y tế. Các thể loại khác thì nhằm vào các quan ngại thuộc vấn đề đạo đức như sự cẩn mật, quan hệ đôi bên, khả năng và sắc tộc. Ví dụ yêu cầu "Bạn có thể liệt kê tình thế sau vào hạng mục khả năng, tình dục, pháp y, quan hệ đôi bên hay cẩn mật? *Bạn đã khám phá ra là một đồng nghiệp đã có dính líu về tình dục với khách hàng pháp y của cô ta và cô ta xin bạn giữ gìn chuyện đó.*"

Nếu chúng ta muốn khớp các hạng mục của Pope và Vetter với các nguyên tắc đạo đức theo lời đề nghị của Gauthier (2003, 2004) trong tìm kiếm của ông ta để có được các nguyên tắc phổ biến toàn cầu thì điều đó là không thể vì các nguyên tắc hoạt động công

việc không phải là nguyên tắc đạo đức. Sự tôn trọng phẩm giá và các quyền con người đã chứa đựng sự cẩn mật. Quan tâm đến người khác và chú ý tới ích lợi của họ đã bao hàm năng lực, sự can thiệp đáng ngờ và có thể cả sự cắt đứt và cả vấn đề sắc tộc. Sự thẳng thắn có thể sẽ bao hàm cả các mối quan hệ không rõ ràng, hai chiều hoặc đối kháng. Trách nhiệm về tính chuyên nghiệp, khoa học và xã hội không có vẻ được bao gồm trừ phi việc giúp đỡ những người có khó khăn về tài chính đáp ứng được yêu cầu, và trách nhiệm về tính khoa học được xếp vào hạng mục học thuật, nghiên cứu và xuất bản.

Các sự khác biệt thuộc về cụ thể từng nước, dùng phân tích về lượng thì theo Pope và Vetter không có vẻ là kết quả của sự khác biệt về văn hóa nhiều như sự khác biệt về số lượng khách hàng, bản chất hành nghề và phương pháp trả tiền. Các nguồn thông tin khác có thể cho biết một bức tranh khác. Sự phân tích định tính đối với các tiến thoái lưỡng nan trên thực tế có thể làm rõ ảnh hưởng của các nhân tố văn hoá đối với việc hành nghề tâm lý. Thí dụ, một số tiến thoái lưỡng nan liên quan đến sự cẩn mật (giữ bí mật) có thể đã nảy sinh từ các khuynh hướng cá nhân và tập thể. Một số tiến thoái lưỡng nan xung quanh vấn đề năng lực có thể đã phát sinh từ sự nhấn mạnh khác nhau đối với phương pháp khoa học đối lập với các phương pháp truyền thống của bản địa trong việc chữa bệnh. Các tiến thoái lưỡng nan có thể đã nảy sinh vì những niềm tin thế tục hoặc tôn giáo.

Những điều biết được từ nguồn khác về ảnh hưởng của các niềm tin thuộc về văn hóa hay chính trị đối với việc hành

nghề tâm lý không được phản ánh trong sự phân tích định lượng đối với các sự cố gây bức xúc về đạo đức trong các nghiên cứu này. Trong khi thảo luận vấn đề khả năng, chúng tôi đã nhắc đến sự biến đổi chính trị ở Nam Phi thời kỳ hậu A-Pac-Thai đã dẫn đến sự thay đổi trong tâm lý học, mở rộng dịch vụ tới tất cả mọi người và bao gồm các thông lệ bản xứ cũng như các mục tiêu công lý xã hội (Stead, 2004). Seymour (2003) đã mô tả việc các nhà tâm lý học New Zealand đã phát triển Quy tắc Đạo đức cho các Nhà Tâm lý học làm việc ở Aotearoa/New Zealand (*New Zealand Psychological Society, 2002*) bằng cách làm thế nào đó công nhận các giá trị văn hóa của người thổ dân Mao-ri và, vì thế, đã bao gồm sự ghi nhận về một danh tính tập thể, các mục đích của công lý xã hội, và sự công nhận đầy đủ Hiệp ước Waitangi (*New Zealand Treaty of Waitangi, 1840*), đã đảm bảo các quyền bình đẳng cho những người thổ dân Mao-ri với những người định cư da trắng.

Những ví dụ về sự cố gây bức xúc đạo đức

Các tỷ lệ phân trăm trong mỗi hạng mục hay thể loại không mô tả rõ ràng bản chất cụ thể của các tiến thoái lưỡng nan đã được báo cáo. Các tác giả của bài tạp chí này không được đọc biết hoàn toàn về các tiến thoái lưỡng nan trong thực tế đã được thanh lọc từ các dữ liệu gốc ở từng nước. Nhưng một số tiến thoái lưỡng nan được đề cập trong một số ấn phẩm sẽ được trình bày ở đây. Những giới thiệu tóm tắt về các tiến thoái lưỡng nan trình bày dưới đây sẽ cung cấp một cái nhìn lướt đối với bản chất của các xung đột đạo đức đã được báo cáo.

Sự cẩn mật

Đã có một quan ngại chung về phá vỡ sự cẩn mật trong các tình huống đối xử tàn tệ với trẻ em, bảo vệ chống lại sự làm hại, hoạt động phi pháp, sử dụng ma túy và tình dục không được bảo vệ. Nhu cầu có được sự chỉ dẫn cụ thể hơn được bày tỏ.

1. *Đã hai lần các luật sư yêu cầu một bản ghi chép về tâm lý liệu pháp của tôi. Tôi cần có chỉ dẫn thêm về việc khi nào là thích hợp để cho người ta biết thông tin này.*

2. *Tôi giữ một hồ sơ của một đôi vợ chồng đến xin ý kiến tư vấn về rắc rối trong hôn nhân của họ. Bây giờ một đôi tác muốn hồ sơ gửi tới một bên thứ ba và đôi tác kia phản đối.*

3. *Các thân nhân họ hàng của một người đàn ông đã chết đòi giấy ghi nhận của nhà tâm lý học về đánh giá là người đã chết còn đủ tinh thần vào thời điểm làm bản di chúc cuối cùng của mình. Họ muốn thách thức để cho rằng đánh giá đó là không có giá trị.*

4. *Gia đình của khách hàng thiếu năng trí tuệ của tôi đang thúc đẩy hôn nhân giữa anh ta và con gái của người bạn thân nhất của tôi. Bạn tôi không biết là người đàn ông trẻ đó là khách hàng của tôi.*

5. *Một khách hàng nam giới tiết lộ trong sự duy trì cẩn mật là anh ta đã bị lạm dụng tình dục bởi một cựu giáo viên và huấn luyện viên. Anh ta từ chối làm một bản kêu kiện. Kẻ phạm tội vẫn dạy và huấn luyện.*

6. *Tôi có rất nhiều khách hàng là người bản địa mà tôi phục vụ thông qua một người phiên dịch ngôn ngữ. Tôi nghi ngờ là cô ta phao tin đồn về các*

khách hàng trong cộng đồng và không có khái niệm gì về vấn đề giữ cẩn mật.

7. *Khách hàng của tôi là một cô gái trẻ nghiện ma túy và rượu và rất thù địch với cha mẹ cô ấy, đặc biệt là cha cô, và không muốn họ biết là cô ta đang xin ý kiến tư vấn. Tôi có nghĩa vụ phải báo cáo với cha mẹ cô ấy không?*

8. *Giám đốc doanh nghiệp của hãng tôi thường xuyên xem xét lại các hồ sơ bệnh lý để tìm tên của các khách hàng đi cùng nhà thờ với ông ta. Ông ta tin là thông tin đó sẽ có ích cho ông mục sư trong việc giúp đỡ các cá nhân đó.*

Các mối quan hệ không rõ ràng, đôi bên hoặc có tính xung đột

Một số các tình thế khác nhau đã cho thấy các sự quan ngại, thí dụ như hành động tình dục sai trái, thổi còi chỉ trích, các vai trò chuyên nghiệp mang tính mâu thuẫn và chia tiền phí.

1. *Tôi đồng ý huấn luyện bạn tôi làm tốt hoặc biểu diễn tốt trên trác nghiệp thông minh Wechsler vì nó sẽ giúp cô ấy kiếm được một việc làm mà cô ấy rất cần.*

2. *Một nhà tâm lý học y học nổi tiếng toàn tâm cống hiến cho các vấn đề về dạy thì được biết là đã có quan hệ tình dục với khách hàng trẻ của mình.*

3. *Một đồng nghiệp đã nhờ tôi gặp con trai bà ta trong một buổi tâm lý trị liệu và tôi đã gặp nhưng nó đã gây căng thẳng trong mối quan hệ của chúng tôi.*

4. *Tôi đã từ chối lời mời của khách hàng 23 tuổi có biểu hiện muốn tự sát tham dự các buổi liên hoan với cô ta để giúp cô ta kết thêm nhiều bạn. Bây giờ cô ta đe dọa tự sát nếu tôi không đồng ý. Như thế có được không?*

5. Tôi đang khuyên giải đối với một bà rõ ràng đang có kế hoạch bỏ chồng. Người chồng không biết điều này mặc dù ông ta là người thanh toán các chi phí.

6. Tôi đang thực hiện khuyên giải một khách hàng đã được 2 năm nay. Bây giờ anh ta đã phạm một tội và anh ta muốn tôi làm chứng là vì bệnh lý tâm thần nên anh ta không thể chịu trách nhiệm về các hành động của mình, chỉ có điều này là không đúng.

7. Tôi đang chữa chạy tâm lý liệu pháp cho một người phụ nữ thì tình cờ phát hiện ra là người tình của chồng bà cũng là một khách hàng của tôi. Tôi không thể tiếp tục điều trị cho cả hai người và tôi không thể nói cho họ lý do.

Năng lực

Các nhà tâm lý học đã bày tỏ các quan ngại về sự thiếu khả năng của những người khác cũng như các áp lực đối với việc hành nghề ngoài tầm khả năng của bản thân họ.

1. Các nhân viên thư ký quản lý, sắp xếp và diễn giải các đánh giá tâm lý học dẫn đến những kết luận sai lầm và các vi phạm về sự duy trì sự cẩn mật.

2. Một đồng nghiệp công khai ghi nhận là ông ta tiếp bệnh nhân mà không biết là cần điều trị họ thế nào mà cũng không khước từ họ để chuyển họ tới người khác có năng lực chữa chạy cho họ.

3. Một khách hàng và tôi đã thiết lập được mối quan hệ tâm lý liệu pháp rất tốt. Tôi ngạc nhiên khi thấy người phụ nữ đó muốn nói về việc bị lạm dụng tình dục thời còn là trẻ con, một lĩnh vực mà tôi không có năng lực. Người phụ nữ đó bác bỏ việc chuyển bà ấy tới một người khác và muốn tiếp tục chữa chạy ở phía tôi.

4. Số lượng nhân viên đã được giảm xuống vì cắt giảm ngân sách. Điều đó có nghĩa là tôi phải làm các việc đánh giá nhiều gấp đôi trước kia và tôi được người ta trông chờ là làm theo lối giản lược đi và các quyết định xấu có thể được hình thành vì việc tôi làm không đủ tốt.

5. Tôi đã chậm hiểu rằng đồng nghiệp của tôi đã trở nên bất hợp lý và kém năng lực hơn tôi tới mức ông ta đặt các khách hàng ở mức mạo hiểm. Ông ta bác bỏ là không có khó khăn gì hết.

THẢO LUẬN

Những nghiên cứu này có giá trị thực tế ở chỗ: (a) đã đề cập đến các vấn đề ở trong mỗi nước (thí dụ như xem xét lại các quy tắc về đạo đức, xác định những nhu cầu giáo dục đạo đức, và xác định nhu cầu cho việc có những hướng dẫn cụ thể hơn), (b) cho thấy sự giống nhau ở các nước có báo cáo, và (c) ghi nhận là các khác biệt đặc thù của từng nước có thể liên quan tới điều kiện làm việc và bản chất của khách hàng hơn là khác biệt về giá trị văn hóa và niềm tin.

Đúng trên quan điểm nghiên cứu thực nghiệm, thì một số hạn chế có thể được nhận thấy. Tỷ lệ trả lời các câu hỏi thấp so với nghiên cứu dạng khảo sát tổng thể. Đã có trắc trở trong việc sử dụng các hạng mục Pope và Vetter để tiến hành phân tích. Không có các dữ liệu gốc được tập trung lại để có thể mã hóa một cách đáng tin cậy. Đúng trên góc độ quốc tế, các nền văn hóa phi phương Tây và bản xứ đã không có mặt trong đối tượng nghiên cứu. Các dữ liệu định tính thì hạn chế. Chính vì vậy, các kết quả tìm thấy có ích trong việc hiểu biết các nước riêng rẽ nhưng cần thận trọng trong việc khái quát hóa liên quan tới các nước khác.